TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM** **……*……**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ……*……

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 -11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DUY TIÊN - HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Mạnh Xuân Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Minh Tuấn và ông Trần Đức Liên

***- Thư ký phiên tòa*:** bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Duy Tiên tham gia phiên toà: bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXX-ST ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Chị **Nguyễn Thị Bích H** (tức Nguyễn Thị H), sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam.

2. ***Bị đơn***: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam.

(Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh D lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Bích H (tức Nguyễn Thị H) trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn D trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Ch vào ngày 05/9/2000. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong làm kinh tế cũng như trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn D có quan điểm: anh xác nhận về điều kiện, thủ tục kết hôn như chị H đã trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, anh cho rằng do con cái, anh hay nói nhiều, chị H bênh

con. Chị H cho anh là người có tiền, khi anh nói việc chị H và con ốm đi Viện không có tiền chi, anh phải vay mượn bên ngoài song chị H không hiểu ý của anh mà cho rằng anh kể chuyện ốm đau của chị. Nay chị H xin ly hôn anh không đồng ý, anh muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nuôi dạy con chung.

Về con chung: Chị H và anh D đều xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 25/6/2001 và cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/8/2005. Hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Quan điểm của chị H: Khi ly hôn, chị xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh D nếu phải ly hôn thì anh cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và anh có trách nhiệm nuôi con cùng chị H.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị H, anh D không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND huyện Duy Tiên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án; về ý kiến giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ: Điều 28, 35, 39,147, 227, 228 BLTTDS; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật HNGĐ và Nghị quyết số 236/2016 của UBTV Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Xử ly hôn giữa chị H và anh D; về con chung, giao các cháu Lê Văn T và cháu Lê Thị H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H. Về tài sản, công sức, công nợ của vợ chồng, do các bên không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; về án phí chị H phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm là 300.000đ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND huyện Duy Tiên phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Văn D mặc dù đã được Tòa án triệu tập phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, HĐXX căn cứ các Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Lê Văn D.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Bích H (tức Nguyễn Thị H) và anh Lê Văn D đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Ch, huyện D, tỉnh Hà Nam vào ngày 05/9/2000 trên cơ sở tự nguyện là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] *Về tình trạng hôn nhân*: Sau ngày cưới, vợ chồng chị H, anh D chung sống hạnh phúc được khoảng 16 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân, tuy, chị H và anh D mỗi người đưa ra quan điểm khác nhau, trong đó xuất phát kinh tế gia đình khó khăn và giữa vợ chồng có bất đồng quan điểm trong cuộc sống cũng như việc dạy bảo con nên phát sinh mâu thuẫn. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, anh D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng khi Tòa án tổ chức hòa giải cho vợ chồng thì anh D không đến nên Tòa án không hòa giải cho vợ chồng được. Tòa án

cũng đã phân tích để chị H có thể rút đơn về đoàn tụ cùng anh D nuôi dạy con chung nhưng chị H kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù có kéo dài tình trạng sống ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định tại các Điều 51, 56 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] *Về con chung*: Chị H và anh D cùng xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Văn T, sinh ngày 25/6/2001 và cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/8/2005, hiện nay cả hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung, đồng thời chị H có xuất trình tài liệu thể hiện, hiện tại chị đang làm công nhân Công ty TNHH PRETY VINA, mức lương khoảng 5.000.000đ/ tháng. Tại phiên tòa, chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Quan điểm của anh D nếu phải ly hôn thì anh cũng nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và anh có trách nhiệm nuôi con cùng chị H. Xét thấy, cháu Lê Văn T và cháu Lê Thị H hiện đang là học sinh cần có sự chăm sóc giáo dục của người mẹ. Do vậy, để không làm xáo trộn môi trường sống và học tập của các cháu. HĐXX cần giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu T, H cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H là hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của anh D, chị H và hai cháu.

[5] *Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng*: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí HNGĐ sơ thẩm*: Chị H phải chịu theo quy định tại khoản 5, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích H (tức Nguyễn Thị H) và anh Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi các cháu Lê Văn T, sinh ngày 25/6/2001 và cháu Lê Thị H, sinh ngày 25/8/2005 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi,

trưởng thành, tự lập được. Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh D được quyền đi lại, chăm sóc và thăm hỏi con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh D trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công sức, công nợ chung của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích H (tức Nguyễn Thị H) phải chịu 300.000đ, chị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số **AA**/2015/0000297 ngày 10/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án. Anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND huyện Duy Tiên.*
- *Chi cục THADS huyện Duy Tiên.*
- *UBND xã Ch;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mạnh Xuân Hải